BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Bình Định – 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất)
Tên tiếng Anh:	Theory and Methodology of Physical Education
Mã ngành:	8140111
Định hướng đào tạo:	Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo:	Chính quy

Bình Định, 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4494/QĐ-ĐHQN ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất)
Tên tiếng Anh: Theory and Methodology of Physical Education
Mã ngành: 8140111
Định hướng đào tạo: Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo: Chính quy

1. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về Giáo dục thể chất, đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn GDTC có khả năng:

- *Về kiến thức*

+ PO1: Có kiến thức chung về quản trị, quản lý.

+ PO2: Có kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực GDTC, TTTH và khoa học TDTT.

- *Về kỹ năng*

+ PO3: Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến.

+ PO4: Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực GDTC, TTTH và khoa học TDTT.

+ PO5: Sử dụng ngoại ngữ tốt.

- *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

+ PO6: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học trách nhiệm trong công việc được giao.

+ PO7: Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên

môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

1.3. Chuẩn đầu ra đối với ngành học

1.3.1. Về kiến thức

1) PLO1: Liên hệ, vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết, kiến thức chung về quản trị và quản lý vào công tác chuyên môn.

2) PLO2: Ứng dụng và phát triển các nguyên lý và học thuyết cơ bản và nâng cao trong lĩnh vực GDTC và kiến thức liên ngành có liên quan.

1.3.2. Về kỹ năng

3) PLO3: Xây dựng và quản lý các hoạt động nội, ngoại khóa thể dục thể thao.

4) PLO4: Vận dụng, nghiên cứu phát triển các thành tựu của Khoa học giáo dục nói chung và Khoa học GDTC nói riêng vào thực tiễn.

5) PLO5: Thực hiện chương trình đào tạo, vận dụng các kiến thức lý thuyết, thực hành, nghiên cứu khoa học vào thực tiễn giảng dạy, tổ chức kiểm tra đánh giá nội dung học và tổ chức hoạt động ngoại khóa thể dục thể thao.

6) PLO6: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

1.3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

7) PLO7: Xây dựng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học trách nhiệm trong công việc được giao. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.

8) PLO8: Hình thành năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
PO1	x							
PO2		x	x	x	x			
PO3		x	x	x	x			
PO4		x	x	x	x			
PO5						x		
PO6							x	
PO7								x

1.4. Nội dung đào tạo

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng tín chỉ			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT, TH, TN, TL			
I. Phần kiến thức chung					**4**					
1	XHTH	501	Triết học	1	4	4			K.LLCT-L-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành					**47**					
II.1. Phần bắt buộc					**23**					
2	GDTC	81401	Sinh lý học thể dục thể thao	1	3	2	1		K.GDTC	
3	GDTC	81402	Y học thể dục thể thao	2	3	2	1		K.GDTC	
4	GDTC	81403	Đo lường thể dục thể thao	2	3	2	1		K.GDTC	
5	GDTC	81404	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	1	3	2	1		K.GDTC	
6	GDTC	81405	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	1	3	2	1		K.GDTC	
7	GDTC	81406	Lý luận và phương pháp thể thao trường học	3	3	2	1		K.GDTC	
8	GDTC	81407	Quan điểm và lý thuyết dạy học hiện đại	2	2	2			K.GDTC	
9	GDTC	81408	Quản lý phát triển chương trình giáo dục	1	3	2	1		K.GDTC	
II.2. Phần tự chọn (9/12 học phần)					**18**					

10	GDTC	81409	Tâm lý học thể dục thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
11	GDTC	81410	Giáo dục học thể dục thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
12	GDTC	81411	Quản lý thể dục thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
13	GDTC	81412	Xã hội học thể dục thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
14	GDTC	81413	Công tác giáo dục thể chất trong trường học	2	2	1	1		K.GDTC	
15	GDTC	81414	Phương pháp, xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất trong trường học	2	2	1	1		K.GDTC	
16	GDTC	81415	Tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
17	GDTC	81416	Thể thao giải trí	3	2	1	1		K.GDTC	
18	GDTC	81417	Kinh tế học thể dục thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
19	GDTC	81418	Lịch sử thể thao và Lịch sử Olympic	3	2	1	1		K.GDTC	
20	GDTC	81419	Huấn luyện thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
21	GDTC	81420	Chính sách, chiến lược phát triển thể dục thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
II.3.Thực tập					**6**					
22	GDTC	81421	Thực tập 1	3	3		3		K.GDTC	
23	GDTC	81422	Thực tập 2	4	3		3	81421	K.GDTC	
II.4. Học phần tốt nghiệp (Đề án)					**9**				K.GDTC	
24	GDTC	81423	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	2,3,4	9					
Tổng cộng					**60**					

Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của ngành học

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLOs							
				1	2	3	4	5	6	7	8
1	**Phần kiến thức chung**	4	6,7%	M					M	M	M
2	**Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành**	47									
2.1	Các học phần bắt buộc	23	38,3%		H	H	H	H		M	M
2.2	Các học phần tự chọn	18	30%		M	M	M	M		M	M
2.3	Các học phần thực tập	6	10%	H	H	H	H	H	H	H	H
3	**Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)**	9	15%	H	H	H	H	H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

1.5. Kế hoạch giảng dạy từng kỳ (*dự kiến*)

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo *(học kỳ)*				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung				**4**						
1	XHTH	501	Triết học	4	4				1. PGS.TS. Đoàn Thế Hùng 2. TS. Tăng Văn Thạnh 3. TS. Nguyễn Thị Ngọc Thùy	LLCT-L-QLNN
II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành				**47**						
II.1. Bắt buộc				**23**						
2	GDTC	81401	Sinh lý học thể dục thể thao	3	3				1. TS. Hồ Minh Mộng Hùng 2. PGS.TS. Vũ Chung Thủy	GDTC
3	GDTC	81402	Y học thể dục thể thao	3		3			1. PGS.TS. Vũ Chung Thủy 2.TS. Hồ Minh Mộng Hùng	GDTC
4	GDTC	81403	Đo lường thể dục thể thao	2		2			1. PGS.TS. Nguyễn H. Minh Thuận 2. TS. Mai Thế Anh	GDTC

5	GDTC	81404	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	3	3				1. PGS.TS.Nguyễn Ngọc Sơn 2. TS. Nguyễn Thanh Hùng	GDTC
6	GDTC	81405	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	3	3				1.PGS.TS.Nguyễn Ngọc Sơn 2. TS. Nguyễn Sỹ Đức	GDTC
7	GDTC	81406	Lý luận và phương pháp thể thao trường học	3			3		1. TS. Nguyễn Thanh Hùng 2. TS. Mai Thế Anh	GDTC
8	GDTC	81407	Quan điểm và lý thuyết dạy học hiện đại	2		2			1. PGS.TS. Trần Quốc Tuấn 2. PGS.TS. Võ Nguyên Du 3. TS. Nguyễn Lê Hà	GDTC
9	GDTC	81408	Quản lý phát triển chương trình giáo dục	3	3				1. PGS.TS. Võ Nguyên Du 2. PGS.TS. Trần Quốc Tuấn 3. TS. Nguyễn Lê Hà	GDTC
III.2. Tự chọn *(chọn 9 học phần)*				**18**						
10	GDTC	81409	Tâm lý học thể dục thể thao	2		2			1. TS. Hồ Minh Mộng Hùng 2. PGS.TS.Nguyễn Ngọc Sơn	GDTC
11	GDTC	81410	Giáo dục học thể dục thể thao	2		2			1. PGS.TS. Võ Nguyên Du 2. TS. Nguyễn Lê Hà	GDTC
12	GDTC	81411	Quản lý thể dục thể thao	2		2			1. TS. Nguyễn Thanh Hùng 2. PGS.TS.Nguyễn Ngọc Sơn	GDTC
13	GDTC	81412	Xã hội học thể dục thể thao	2			2		1. TS. Đinh Anh Tuấn. 2. TS. Phan Thị Kim Dung 3. TS. Nguyễn Đình Khoa	GDTC
14	GDTC	81413	Công tác giáo dục thể chất trong trường học	2		2			1. TS. Nguyễn Thanh Hùng 2. TS. Nguyễn Sỹ Đức	GDTC

15	GDTC	81414	Phương pháp, xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất trong trường học	2		2			1. PGS.TS.Nguyễn Ngọc Sơn 2. TS. Nguyễn Sỹ Đức	GDTC
16	GDTC	81415	Tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao	2			2		1. PGS.TS. Lưu Thiên Sương 2. TS. Mai Thế Anh	GDTC
17	GDTC	81416	Thể thao giải trí	2			2		1. PGS.TS.Nguyễn H.Minh Thuận. 2. TS. Mai Thế Anh	GDTC
18	GDTC	81417	Kinh tế học thể dục thể thao	2			2		1. TS. Nguyễn Sỹ Đức 2. TS. Mai Thế Anh	GDTC
19	GDTC	81418	Lịch sử thể thao và Lịch sử Olympic	2			2		1. PGS.TS.Nguyễn Ngọc Sơn 2. TS. Nguyễn Sỹ Đức	GDTC
20	GDTC	81419	Huấn luyện thể thao	2		2			1. TS. Hồ Minh Mộng Hùng 2. TS. Mai Thế Anh	GDTC
21	GDTC	81420	Chính sách, chiến lược phát triển thể dục thể thao	2			2		1. TS. Nguyễn Thanh Hùng 2. TS. Nguyễn Sỹ Đức	GDTC
II.3. Thực tập				**6**						
22	GDTC	81421	Thực tập 1	3			3		1. TS. Nguyễn Sỹ Đức 2. PGS.TS.Nguyễn Ngọc Sơn	GDTC
23	GDTC	81422	Thực tập 2	3				3	1. TS. Nguyễn Thanh Hùng 2. TS. Mai Thế Anh 3. TS. Hồ Minh Mộng Hùng	GDTC
III. Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)				**9**						
24	GDTC	81423	Đề án thạc sĩ	**9**				**9**		GDTC
Tổng cộng				**60**	**16**	**16**	**16**	**12**		

1.6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	XHTH 501	Triết học	H		M				M	
2	GDTC81401	Sinh lý học thể dục thể thao		M	M	H	H		M	M
3	GDTC81402	Y học học thể dục thể thao		M	M	H	H		M	M
4	GDTC81403	Đo lường học thể dục thể thao	M	M	H	H	H	H	H	H
5	GDTC81404	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	H	H	H	H	H		M	M
6	GDTC81405	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	H	H	H		H		M	M
7	GDTC81406	Lý luận và phương pháp thể thao trường học	M	M	H	M	H		M	M
8	GDTC81407	Quan điểm và lý thuyết dạy học hiện đại	H			H	H		H	H
9	GDTC81408	Quản lý phát triển chương trình giáo dục	M	M	M	M	M		H	H
10	GDTC81409	Tâm lý học học thể dục thể thao	M	M		M	H		M	M
11	GDTC81410	Giáo dục học học thể dục thể thao	M	M	H	H	H	H	M	M
12	GDTC81411	Quản lý học thể dục thể thao	M	M	H	H	H		M	H
13	GDTC81412	Xã hội học học thể dục thể thao	M	M	M	M	H		M	M
14	GDTC81413	Công tác giáo dục thể chất trong trường học	M	M		H	H		H	H

15	GDTC81414	Phương pháp, xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất trong trường học	M	M	H	H	H		M	M
16	GDTC81415	Tuyển chọn và đào tạo tài năng Thể thao	M	M	H	H	H	H	H	H
17	GDTC81416	Thể thao giải trí	M	M	H	H	H	H	H	H
18	GDTC81417	Kinh tế học học thể dục thể thao	M	M	H	H	H		M	M
19	GDTC81418	Lịch sử thể thao và Lịch sử Olympic	M	M		M	M		M	H
20	GDTC81419	Huấn luyện thể thao	M	M	H	H	H		M	M
21	GDTC81420	Chính sách, chiến lược phát triển học thể dục thể thao	M			H	M		H	H
22	GDTC81421	Thực tập 1	M	M	M	M	M	M	M	M
23	GDTC81422	Thực tập 2	H	H	H	H	H	M	H	H
24	GDTC81423	Đề án thạc sĩ	H	H	H	H	H	M	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

1.7. Phương pháp đánh giá

*** Thang điểm đánh giá**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

*** Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

- Học phần lý thuyết:

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	40%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc. Tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	
		- Học viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	
2	Cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần; - Hình thức thi: Viết/vấn đáp/Tiểu luận...; - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án.	60%

- Học phần thực tập chuyên môn

Sử dụng thang điểm 10 cho chấm bài báo cáo. Tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

- Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

*** Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn GDTC được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và đánh giá tổng kết (Summative Assessment) và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành.

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	**Chuẩn đầu ra (PLOs)**							
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**
I. Đánh giá tiến trình								
1. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết								
2. Thi viết	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Thi vấn đáp				x		x		
4. Báo cáo tiểu luận	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Báo cáo Đề án	x	x	x	x	x	x	x	x

2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

Xem Phụ lục: Đề cương chi tiết các học phần

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

PGS. TS. Đoàn Đức Tùng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất), được ban hành theo Quyết định số 4494/QĐ-ĐHQN ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CÁC HỌC PHẦN